ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY ĐƯỢC MIỄN/GIẢM HỌC PHÍ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027

(Kèm theo Quyết định số: 2803 /QĐ-ĐHCN, ngày 09 tháng 11 năm 2026, của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành học	CTĐT	Dân tộc	Đối tượng	Hưởng chính sách	Tổng HP trong HK niên chế (đ)	Kinh phí nhà nước cấp bù (đ)
1	22027161	Nguyễn Bảo Khánh	15/02/2004	CN HKVT	Chuẩn	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (Chuẩn mức 2)	13,500,000	10,450,000
2	22027178	Lê Quốc Đạt	18/04/2004	CN HKVT	Chuẩn	Kinh	Sinh viên bị mồ côi cả cha và mẹ	Miễn HP (Chuẩn mức 2)	13,500,000	10,450,000
3	22021547	Đỗ Tiến Thành	06/10/2004	KTĐK&TĐH	Chuẩn	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (Chuẩn mức 1)	16,000,000	10,450,000
4	22021566	Lê Thiêm Giang	01/08/2004	KTĐK&TĐH	Chuẩn	Kinh	Sinh viên bị khuyết tật	Miễn HP (Chuẩn mức 1)	16,000,000	10,450,000
5	22027114	Bùi Đức Mạnh	04/02/2004	CN HKVT	Chuẩn	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 2)	13,500,000	7,315,000
6	22021519	Lê Hoàng Anh Lượng	03/06/2004	KTĐK&TĐH	Chuẩn	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 1)	16,000,000	7,315,000
7	22021524	Hoàng Thái Sơn	01/06/2004	KTĐK&TĐH	Chuẩn	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 1)	16,000,000	7,315,000
8	22022131	Lao Văn Hùng	01/08/2003	KTMT	Chuẩn	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 1)	16,000,000	7,315,000
9	22024102	Vi Ngọc Trí	01/11/2003	CKT	Chuẩn	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 1)	16,000,000	7,315,000
10	22022102	Vũ Đình Vương	23/11/2004	KTMT	Chuẩn	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (Chuẩn mức 1)	16,000,000	7,315,000
11	22021555	Nguyễn Công Thành	22/06/2004	KTĐK&TĐH	Chuẩn	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (Chuẩn mức 1)	16,000,000	5,225,000
12	22021586	Lê Ngọc Đức	04/12/2004	KTĐK&TĐH	Chuẩn	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (Chuẩn mức 1)	16,000,000	5,225,000
13	23020006	Mai Khả Anh	01/12/2005	CNTT	Chuẩn	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (Chuẩn)	18,000,000	10,450,000
14	23020033	Trương Quang Duy	16/07/2005	CNTT	Chuẩn	Kinh	Sinh viên bị khuyết tật	Miễn HP (Chuẩn)	18,000,000	10,450,000
15	23020153	Nguyễn Phú Thái	20/02/2005	CNTT	Chuẩn	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (Chuẩn)	18,000,000	10,450,000
16	23020160	Phạm Đức Thiện	04/03/2005	CNTT	Chuẩn	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (Chuẩn)	18,000,000	10,450,000
17	23020271	Nguyễn Khắc Hiếu	19/08/2005	KTĐK&TĐH	Chuẩn	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (Chuẩn)	18,000,000	10,450,000
18	23020329	Nguyễn Vũ Quang Anh	06/09/2005	TTNT	Chuẩn	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (Chuẩn)	18,000,000	10,450,000
19	23020347	Đặng Đức Duy	13/05/2005	TTNT	Chuẩn	Tày	Sinh viên bị khuyết tật	Miễn HP (Chuẩn)	18,000,000	10,450,000
20	23020682	Chẩu Khánh Ly	22/09/2005	CNTT ĐHTTNB	Chuẩn	Tày	DTTS, hộ nghèo/cận nghèo	Miễn HP (Chuẩn)	18,000,000	10,450,000
21	23020949	Đinh Thị Ngọc Linh	07/12/2005	VLKT	Chuẩn	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (Chuẩn)	18,000,000	10,450,000
22	23020977	Phạm Thị Thu Thùy	17/05/2005	VLKT	Chuẩn	Mường	DTTS, hộ nghèo/cận nghèo	Miễn HP (Chuẩn)	18,000,000	10,450,000
23	23021010	Nguyễn Bá Hiếu	20/06/2005	CNKT CĐT	Chuẩn	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (Chuẩn)	18,000,000	10,450,000
24	23021017	Nguyễn Việt Hùng	28/07/2005	CKT	Chuẩn	Kinh	Sinh viên mồ côi mẹ và bố không có khả năng nuôi dưỡng	Miễn HP (Chuẩn)	18,000,000	10,450,000
25	23021032	Phạm Đình Khôi Nguyên	25/03/2005	CNKT CĐT	Chuẩn	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (Chuẩn)	18,000,000	10,450,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành học	CTĐT	Dân tộc	Đối tượng	Hưởng chính sách	Tổng HP trong HK niên chế (đ)	Kinh phí nhà nước cấp bù (đ)
26	23021385	Bùi Mạnh Dũng	13/09/2005	CNHKVT	Chuẩn	Mường	Sinh viên mồ côi bố/mẹ, người còn lại không có khả năng nuôi dưỡng	Miễn HP (Chuẩn)	18,000,000	10,450,000
27	24022087	Hà Ngọc Bảo	24/12/2006	KTĐK&TĐH	Chuẩn	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (Chuẩn)	18,000,000	10,450,000
28	24022135	Đỗ Văn Hùng	07/10/2006	KTĐK&TĐH	Chuẩn	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (Chuẩn)	18,000,000	10,450,000
29	24022201	Lô Thị Diệu Son	05/11/2006	KTĐK&TĐH	Chuẩn	Thái	DTTS, hộ nghèo/cận nghèo	Miễn HP (Chuẩn)	18,000,000	10,450,000
30	24022340	Trần Duy Hoàng	26/08/2006	TTNT	Chuẩn	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (Chuẩn)	18,000,000	10,450,000
31	24022459	Trần Đức Thịnh	06/12/2006	TTNT	Chuẩn	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (Chuẩn)	18,000,000	10,450,000
32	24023070	Ngụy Thị Ngọc Thu	28/10/2004	TKCN&ĐH	Chuẩn	Kinh	Sinh viên bị khuyết tật	Miễn HP (Chuẩn)	18,000,000	10,450,000
33	25022910	Đinh Ngọc Linh	18/11/2007	TTNT	Chuẩn	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (chuẩn)	18,000,000	10,450,000
34	25022913	Nguyễn Phương Linh	02/02/2007	TTNT	Chuẩn	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (Chuẩn)	18,000,000	10,450,000
35	25022972	Nguyễn Tấn Phát	24/02/2007	TTNT	Chuẩn	Kinh	Sinh viên bị khuyết tật (vận động)	Miễn HP (Chuẩn)	18,000,000	10,450,000
36	25023712	Trần Quỳnh Anh	07/11/2006	TKCN&ĐH	Chuẩn	Kinh	Sinh viên bị khuyết tật (vận động)	Miễn HP (Chuẩn)	18,000,000	10,450,000
37	25023772	Nguyễn Thúy Bích Hằng	18/05/2007	TKCN&ĐH	Chuẩn	Kinh	Sinh viên bị khuyết tật (vận động)	Miễn HP (Chuẩn)	18,000,000	10,450,000
38	25024022	Kiều Quốc Phòng	18/11/2007	CNVL	Chuẩn	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (Chuẩn)	18,000,000	10,450,000
39	25024189	Đào Đức Dũng	27/06/2007	CNSH	Chuẩn	Kinh	Sinh viên mồ côi cả bố và mẹ	Miễn HP (Chuẩn)	18,000,000	10,450,000
40	25024221	Lê Thị Thuỳ	27/03/2006	CNSH	Chuẩn	Thổ	DTTS, hộ nghèo/cận nghèo	Miễn HP (Chuẩn)	18,000,000	10,450,000
41	26022942	Nguyễn Thị Hà My	28/05/2008	TTNT	Chuẩn	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (Chuẩn)	18,000,000	10,450,000
42	26022980	Nguyễn Việt Phú	07/11/2008	TTNT	Chuẩn	Kinh	Sinh viên không có bố, mẹ không có khả năng nuôi dưỡng	Miễn HP (Chuẩn)	18,000,000	10,450,000
43	26023057	Lô Thị Thanh Vân	08/04/2008	TTNT	Chuẩn	Thái	DTTS, hộ nghèo/cận nghèo	Miễn HP (Chuẩn)	18,000,000	10,450,000
44	26024270	Quản Thị Thạch	11/09/2008	CNSH	Chuẩn	Kinh	Sinh viên mồ côi cả bố và mẹ	Miễn HP (Chuẩn)	18,000,000	10,450,000
45	23020017	Nguyễn Phú Cường	13/12/2005	CNTT	Chuẩn	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	18,000,000	7,315,000
46	23020075	Hà Mạnh Hùng	16/08/2005	CNTT	Chuẩn	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	18,000,000	7,315,000
47	23020080	Đinh Viết Huy	21/06/2005	CNTT	Chuẩn	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	18,000,000	7,315,000
48	23020371	Hoàng Mạnh Hùng		TTNT	Chuẩn	Nùng	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	18,000,000	7,315,000
49	23020415	Bùi Minh Quân	04/09/2005	TTNT	Chuẩn	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	18,000,000	7,315,000
50	23020440	Lường Minh Trí	18/03/2005	TTNT	Chuẩn	Thái	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	18,000,000	7,315,000
51	23020697	Tẩn Vần Quyên	18/09/2005	CNTT ĐHTTNB	Chuẩn	Dao	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	18,000,000	7,315,000
52	23020705	Lù Minh Tường	31/10/2005	CNTT ĐHTTNB	Chuẩn	Nùng	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	18,000,000	7,315,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành học	CTĐT	Dân tộc	Đối tượng	Hưởng chính sách	Tổng HP trong HK niên chế (đ)	Kinh phí nhà nước cấp bù (đ)
53	23020745	Lăng Văn Huy	12/08/2005	KTRB	Chuẩn	Nùng	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	18,000,000	7,315,000
54	23020748	Lục Văn Khoa	12/02/2005	KTRB	Chuẩn	Nùng	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	18,000,000	7,315,000
55	23020758	Bùi Anh Quân	25/08/2005	KTRB	Chuẩn	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	18,000,000	7,315,000
56	23020817	Võ Viết Hoàng	27/12/2005	KTMT	Chuẩn	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	18,000,000	7,315,000
57	23020849	Lê Thị Linh Nga	05/12/2005	KTMT	Chuẩn	Mông	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	18,000,000	7,315,000
58	23020878	Quách Thanh Tuấn	22/01/2005	KTMT	Chuẩn	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	18,000,000	7,315,000
59	23020992	Bùi Nguyễn Gia Bảo	24/04/2005	CKT	Chuẩn	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	18,000,000	7,315,000
60	23021026	Đàm Đức Mạnh	22/02/2005	CKT	Chuẩn	Hoa	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	18,000,000	7,315,000
61	23021107	Đồng Văn Hải	16/02/2005	CNKTXD	Chuẩn	Thái	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	18,000,000	7,315,000
62	23021121	Đinh Thị Huế	08/04/2005	CNKTXD	Chuẩn	Nùng	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	18,000,000	7,315,000
63	23021178	Nguyễn Thủy Tiên	13/11/2005	CNKTXD	Chuẩn	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (chuẩn)	18,000,000	7,315,000
64	24022089	Nguyễn Văn Bình	01/04/2006	KTĐK&TĐH	Chuẩn	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	18,000,000	7,315,000
65	24022098	Dương MInh Đức	18/07/2006	KTĐK&TĐH	Chuẩn	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	18,000,000	7,315,000
66	24022111	Lê Vũ Duy	26/08/2006	KTĐK&TĐH	Chuẩn	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	18,000,000	7,315,000
67	24022184	Hoàng Khôi Ngôi	16/01/2005	KTĐK&TĐH	Chuẩn	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	18,000,000	7,315,000
68	24022245	Bùi Tuấn An	15/01/2006	TTNT	Chuẩn	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	18,000,000	7,315,000
69	24022397	Đặng Quang Minh	02/04/2006	TTNT	Chuẩn	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	18,000,000	7,315,000
70	24022419	Quách Lê Hồng Ngọc	04/12/2006	TTNT	Chuẩn	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	18,000,000	7,315,000
71	24022961	Nguyễn Quốc Đạt	09/11/2006	TKCN&ĐH	Chuẩn	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	18,000,000	7,315,000
72	25022782	Nông Văn Bách	23/11/2007	TTNT	Chuẩn	Nùng	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	18,000,000	7,315,000
73	25023009	Hoàng Thị Ngọc Sơn	10/02/2007	TTNT	Chuẩn	Nùng	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	18,000,000	7,315,000
74	25023061	Hà Doãn Trọng	22/06/2007	TTNT	Chuẩn	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	18,000,000	7,315,000
75	26023013	Lô Trung Thành	29/01/2008	TTNT	Chuẩn	Thái	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	18,000,000	7,315,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành học	CTĐT	Dân tộc	Đối tượng	Hưởng chính sách	Tổng HP trong HK niên chế (đ)	Kinh phí nhà nước cấp bù (đ)
76	26023744	Nguyễn Anh Đức	20/02/2008	TKCN&ĐH	Chuẩn	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	18,000,000	7,315,000
77	26023754	Đàm Khánh Duy	29/05/2007	TKCN&ĐH	Chuẩn	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	18,000,000	7,315,000
78	26023755	Bùi Khánh Duy	22/07/2008	TKCN&ĐH	Chuẩn	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	18,000,000	7,315,000
79	26023782	Bùi Hoàng Minh Huệ	04/02/2008	TKCN&ĐH	Chuẩn	Nùng	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	18,000,000	7,315,000
80	26023817	Nông Thị Mai Linh	18/03/2008	TKCN&ĐH	Chuẩn	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	18,000,000	7,315,000
81	26024089	Bạch Lưu Quỳnh Anh	20/04/2008	KHDL	Chuẩn	mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	18,000,000	7,315,000
82	26024216	Đinh Thanh An	11/05/2008	CNSH	Chuẩn	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	18,000,000	7,315,000
83	26024245	Bùi Anh Khoa	06/08/2008	CNSH	Chuẩn	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	18,000,000	7,315,000
84	23020164	Phạm Minh Thông	17/01/2005	CNTT	Chuẩn	Nùng	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (Chuẩn)	18,000,000	5,225,000
85	23020792	Bùi Tiến Dũng	01/09/2005	KTMT	Chuẩn	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (Chuẩn)	18,000,000	5,225,000
86	23020997	Vũ Mạnh Chiến	22/05/2005	CKT	Chuẩn	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (Chuẩn)	18,000,000	5,225,000
87	24022326	Hoàng Mạnh Hiếu	22/11/2006	TTNT	Chuẩn	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (Chuẩn)	18,000,000	5,225,000
88	24022944	Trương Ngọc Anh	21/05/2006	TKCN&ĐH	Chuẩn	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (Chuẩn)	18,000,000	5,225,000
89	24023094	Nguyễn Thành Vinh	17/08/2006	TKCN&ĐH	Chuẩn	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (Chuẩn)	18,000,000	5,225,000
90	25022808	Nguyễn Hữu Dũng	10/07/2007	TTNT	Chuẩn	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (Chuẩn)	18,000,000	5,225,000
91	25023774	Đặng Minh Hiếu	19/02/2006	TKCN&ĐH	Chuẩn	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (Chuẩn)	18,000,000	5,225,000
92	26022856	Võ Sỹ Hoàng	18/09/2008	TTNT	Chuẩn	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (Chuẩn)	18,000,000	5,225,000
93	24022339	Nguyễn Minh Hoàng	25/08/2006	TTNT	Chuẩn	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (Chuẩn)	18,000,000	5,225,000
94	26024015	Nguyễn Trung Kiên	31/10/2008	KTVL	Chuẩn	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (Chuẩn)	18,000,000	5,225,000
95	23020565	Đặng Anh Quế	19/08/2005	HTTT	ĐMKTKT	Kinh	Con liệt sĩ	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
96	23021484	Đỗ Quang Cường	07/11/2005	KHMT	ĐMKTKT	Mường	DTTS, hộ nghèo/cận nghèo	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
97	23021518	Hoàng Thành Đạt	24/07/2005	KHMT	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
98	23021566	Lưu Văn Hùng	05/03/2004	KHMT	ĐMKTKT	Mường	DTTS, hộ nghèo/cận nghèo	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
99	23021570	Tống Đức Hùng	19/12/2005	KHMT	ĐMKTKT	Kinh	Con người nhiễm chất độc hóa học	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
100	23021732	Lê Huy Thực	24/05/2005	KHMT	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
101	23021810	Nguyễn Thanh Hà	04/04/2005	CNKT ĐTVT	ĐMKTKT	Kinh	Sinh viên bị mồ côi cả cha và mẹ	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
102	23021820	Đỗ Trung Hiếu	01/01/2005	CNKT ĐTVT	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
103	23021854	Hoàng Bình Lâm	03/12/2005	CNKT ĐTVT	ĐMKTKT	Tày	Sinh viên bị khuyết tật	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
104	23021875	Đinh Đăng Ngọc	31/12/2004	CNKT ĐTVT	ĐMKTKT	Kinh	Sinh viên bị mồ côi cả cha và mẹ	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành học	CTĐT	Dân tộc	Đối tượng	Hưởng chính sách	Tổng HP trong HK niên chế (đ)	Kinh phí nhà nước cấp bù (đ)
105	23021917	Bùi Văn Thành	04/10/2005	CNKT ĐTVT	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
106	24020100	Đinh Văn Dương	12/12/2006	CNTT	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
107	24020121	Tống Ngọc Hiển	19/02/2006	CNTT	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
108	24020208	Nguyễn Hữu Hải Long	14/11/2006	CNTT	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
109	24020251	Nguyễn Trung Nghĩa	07/02/2006	CNTT	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
110	24020319	Thìn Thị Thúy	15/04/2006	CNTT	ĐMKTKT	Nùng	DTTS, hộ nghèo/cận nghèo	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
111	24020439	Phạm Xuân Đạt	18/08/2006	KTMT	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
112	24020474	Trần Anh Duy	25/10/2006	KTMT	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
113	24020643	Đinh Văn Thái	12/12/2006	CNKTXD	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
114	24020764	Phạm Đình Kiên	01/09/2006	VLKT	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
115	24020921	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	09/09/2006	CNKTXD	ĐMKTKT	Tày	DTTS, hộ nghèo/cận nghèo	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
116	24021096	Đặng Thìn Dũng	30/11/2006	CNKT CĐT	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
117	24021165	Ngô Hải Nam	26/02/2006	CNKT CĐT	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
118	24021168	Phạm Thanh Nghĩa	15/04/2006	CNKT CĐT	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
119	24021423	Bùi Tiến Dũng	13/01/2006	KHMT	ĐMKTKT	Kinh	Sinh viên mồ côi bố/mẹ, người còn lại không có khả năng nuôi dưỡng	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
120	24021613	Nguyễn Anh Sơn	12/07/2006	KHMT	ĐMKTKT	Kinh	Sinh viên bị khuyết tật	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
121	24021679	Hoàng Long Vũ	05/08/2006	KHMT	ĐMKTKT	Kinh	Sinh viên có cả bố và mẹ đều không có khả năng nuôi con	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
122	24021849	Lê Chí Kiên	04/12/2006	CNKT ĐTVT	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
123	24021890	Nguyễn Quang Minh	01/01/2006	CNKT ĐTVT	ĐMKTKT	Kinh	Sinh viên bị khuyết tật	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
124	24022537	Phạm Mạnh Hùng	27/01/2006	KTNL	ĐMKTKT	Kinh	Sinh viên bị khuyết tật	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
125	24022652	Trần Duy Hiếu	07/01/2006	HTTT	ĐMKTKT	Kinh	Sinh viên bị mồ côi cả cha và mẹ	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
126	24022712	Đàm Hồng Quân	10/01/2006	HTTT	ĐMKTKT	Kinh	Sinh viên bị khuyết tật	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
127	24022793	Phạm Huy Hoàng	29/04/2006	MMT&TTDL	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
128	25020038	Lê Hữu Bằng	24/03/2007	CNTT	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
129	25020213	Đặng Nam Khánh	15/06/2007	CNTT	ĐMKTKT	Kinh	Con người có công với cách mạng	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
130	25020273	Phạm Công Minh	20/12/2007	CNTT	ĐMKTKT	Kinh	Sinh viên bị khuyết tật (vận động)	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
131	25020316	Đặng Đức Phú	21/04/2007	CNTT	ĐMKTKT	Kinh	Sinh viên bị mồ côi cả cha và mẹ	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
132	25020338	Nguyễn Anh Quân	30/08/2007	CNTT	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
133	25020526	Lê Quang Đạo	29/09/2007	KTMT	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
134	25020562	Đỗ Minh Hải	21/04/2007	KTMT	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
135	25020788	Nguyễn Bá Tân	14/12/2007	KTMT	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành học	CTĐT	Dân tộc	Đối tượng	Hưởng chính sách	Tổng HP trong HK niên chế (đ)	Kinh phí nhà nước cấp bù (đ)
136	25021096	Lê Ngọc Nam	18/10/2007	CKT	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
137	25021462	Trần Anh Tuấn	16/06/2007	CNKT CĐT	ĐMKTKT	Kinh	Sinh viên mồ côi bố/mẹ, người còn lại không có khả năng nuôi dưỡng	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
138	25021583	Chu Minh Tấn	19/08/2007	CNHKVT	ĐMKTKT	Nùng	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
139	25021614	Đặng Ngọc Anh	12/07/2007	KHMT	ĐMKTKT	Kinh	Sinh viên mồ côi bố/mẹ, người còn lại không có khả năng nuôi dưỡng	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
140	25021723	Trần Bá Định	15/10/2007	KHMT	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
141	25021741	Trương Anh Đức	15/01/2007	KHMT	ĐMKTKT	Thổ	DTTS, hộ nghèo/cận nghèo	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
142	25021914	Lê Thị Bảo Ngọc	25/04/2007	KHMT	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
143	25021954	Nguyễn Thanh Quang	12/12/2006	KHMT	ĐMKTKT	Kinh	Sinh viên bị khuyết tật (vận động)	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
144	25022117	Phạm Văn Duân	01/10/2007	CNKT ĐTVT	ĐMKTKT	mường	DTTS, hộ nghèo/cận nghèo	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
145	25022179	Hoàng Anh Đức	10/06/2007	CNKT ĐTVT	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
146	25022361	Kiều Anh Minh	11/01/2007	CNKT ĐTVT	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
147	25022366	Lý Hoàng Minh	08/07/2007	KTĐTVT	ĐMKTKT	Mường	DTTS, hộ nghèo/cận nghèo	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
148	25022399	Nguyễn Bá Trí Nhân	13/05/2007	CNKT ĐTVT	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
149	25022661	Đặng Minh Hải	02/11/2007	KTĐK&TĐH	ĐMKTKT	Kinh	Sinh viên bị khuyết tật (vận động)	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
150	25023462	Trần Đức Đạt	09/12/2007	MMT&TTDL	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
151	25023522	Đặng Trần Minh Quốc	06/02/2007	MMT&TTDL	ĐMKTKT	Kinh	Sinh viên bị khuyết tật (vận động, nghe,nói, nhìn)	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
152	25023579	Hoàng Đức Đại	01/11/2007	KTRB	ĐMKTKT	nùng	DTTS, hộ nghèo/cận nghèo	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
153	25023593	Nguyễn Trường Giang	23/07/2007	KTRB	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
154	25023613	Doãn Gia Hưng	29/10/2007	KTRB	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
155	25023631	Lê Văn Lợi	08/10/2007	KTRB	ĐMKTKT	Kinh	Sinh viên bị khuyết tật (nhìn)	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
156	25024228	Lô Duy Khánh	24/02/2006	KTĐK&TĐH	ĐMKTKT	Thái	DTTS, hộ nghèo/cận nghèo	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
157	26020274	Cao Tuấn Minh	5/10/2008	CNTT	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
158	26020333	Lê Tiến Phú	02/02/2008	CNTT	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
159	26020338	Trần Bá Phước	17/04/2008	CNTT	ĐMKTKT	Kinh	Con Liệt sĩ	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
160	26020358	Nguyễn Minh Quý	09/03/2008	CNTT	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
161	26020434	Phạm Đình Trung	24/10/2008	CNTT	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
162	26020692	Phạm Đức Kỳ	10/09/2008	KTMT	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
163	26020714	Nguyễn Thế Long	22/05/2007	KTMT	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
164	26020753	Nguyễn Phương Nam	18/07/2008	KTMT	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
165	26020783	Lê Hồng Phúc	08/08/2008	KTMT	ĐMKTKT	Cao Lan	Sinh viên bị khuyết tật (mắt)	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành học	CTĐT	Dân tộc	Đối tượng	Hưởng chính sách	Tổng HP trong HK niên chế (đ)	Kinh phí nhà nước cấp bù (đ)
166	26021108	Nguyễn Đức Hưng	13/11/2008	CKT	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
167	26021311	Nguyễn Hữu Trung	29/06/2008	CNKTXD	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
168	26021431	Bàn Giang Nam	06/01/2008	KTCĐT	ĐMKTKT	Dao	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
169	26021659	Lê Phương Anh	26/12/2008	KHMT	ĐMKTKT	Kinh	Sinh viên bị khuyết tật (vận động)	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
170	26021724	Phan Đình Duẩn	28/09/2008	KHMT	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
171	26022075	Lý Việt Anh	14/01/2008	CNKT ĐTVT	ĐMKTKT	Giáy	DTTS, hộ nghèo/cận nghèo	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
172	26022110	Đinh Công Chuyên	26/02/2008	KTĐTVT	ĐMKTKT	Mường	DTTS, hộ nghèo/cận nghèo	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
173	26022631	Đinh Quốc Duy	22/12/2008	KTĐK&TĐH	ĐMKTKT	Mường	DTTS, hộ nghèo/cận nghèo	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
174	26023355	Phạm Quang Thuận	31/07/2008	HTTT	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
175	26023506	Trần Thanh Tùng	09/01/2008	MMT&TTDL	ĐMKTKT	Tày	DTTS, hộ nghèo/cận nghèo	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
176	26023578	Nguyễn Văn Hoàng	15/09/2008	KTRB	ĐMKTKT	Kinh	Sinh viên không có bố, mồ côi mẹ	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
177	26023647	Nguyễn Minh Quang	26/11/2008	KTRB	ĐMKTKT	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	22,000,000	10,450,000
178	23020594	Dương Tiến Đạt	28/11/2005	MMT&TTDL	ĐMKTKT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
179	23020626	Ma Đức Minh	21/01/2005	MMT&TTDL	ĐMKTKT	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
180	23021627	Lò Châu Minh	23/09/2005	KHMT	ĐMKTKT	Thái	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
181	24020067	Bùi Văn Đình	08/02/2006	CNTT	ĐMKTKT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
182	24020289	Đàm Thiên Quốc	10/10/2006	CNTT	ĐMKTKT	Nùng	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
183	24020330	Nguyễn Thị Kiều Trinh	09/07/2005	CNTT	ĐMKTKT	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
184	24020443	Hoàng Khánh Điệp	03/02/2006	KTMT	ĐMKTKT	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
185	24020482	Giàng Hải Hà	19/01/2006	KTMT	ĐMKTKT	H'Mông	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
186	24020484	Giàng A Hải	11/04/2006	KTMT	ĐMKTKT	H'Mông	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
187	24020486	Lương Minh Hải	06/02/2005	KTMT	ĐMKTKT	Thái	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
188	24020540	Nông Việt Khánh	24/11/2005	KTMT	ĐMKTKT	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
189	24020664	Đặng Minh Tiệp	03/06/2006	KTMT	ĐMKTKT	Dao	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
190	24020690	Bùi Hoàng Việt	22/09/2006	KTMT	ĐMKTKT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
191	24020731	Nông Đức Dũng	23/09/2006	VLKT	ĐMKTKT	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành học	CTĐT	Dân tộc	Đối tượng	Hưởng chính sách	Tổng HP trong HK niên chế (đ)	Kinh phí nhà nước cấp bù (đ)
192	24020825	Phạm Vũ Quốc Việt	16/01/2006	VLKT	ĐMKTKT	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
193	24021211	Bùi Xuân Trường	04/11/2006	CNKT CĐT	ĐMKTKT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
194	24021266	Đinh Hà Giang	10/09/2006	CNHKVT	ĐMKTKT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
195	24021303	Đặng Trần Nguyên	02/10/2006	CN HKVT	ĐMKTKT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
196	24021408	Lục Thị Diệp	27/12/2006	KHMT	ĐMKTKT	Nùng	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
197	24021420	Bạch Công Dũng	04/01/2006	KHMT	ĐMKTKT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
198	24021485	Lã Việt Hoàng	08/04/2006	KHMT	ĐMKTKT	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
199	24021606	Đặng Nhật Quang	05/03/2006	KHMT	ĐMKTKT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
200	24021635	Bùi Quang Thọ	03/01/2006	KHMT	ĐMKTKT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
201	24021668	Phạm Thanh Tùng	03/05/2006	KHMT	ĐMKTKT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
202	24021680	La Minh Vũ	15/03/2006	KHMT	ĐMKTKT	Nùng	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
203	24021832	Triệu Thị Thanh Huyền	22/07/2006	CNKT ĐTVT	ĐMKTKT	Dao	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
204	24021907	Chu Văn Nghĩa	15/04/2006	CNKT ĐTVT	ĐMKTKT	Nùng	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
205	24021912	Bùi Trí Nguyễn	15/09/2006	CNKT ĐTVT	ĐMKTKT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
206	24021925	Vi Dương Phong	09/07/2006	CNKT ĐTVT	ĐMKTKT	Thái	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
207	24021948	Hà Mạnh Quyền	06/09/2006	CNKT ĐTVT	ĐMKTKT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
208	24021958	Phạm Văn Sơn	25/01/2006	CNKT ĐTVT	ĐMKTKT	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
209	24022567	Lý Thị Bích Ngọc	12/02/2006	KTNL	ĐMKTKT	Dao	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
210	24022676	Nguyễn Phú Lâm	08/02/2006	HTTT	ĐMKTKT	Thái	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
211	24022724	Bùi Thái Sơn	07/03/2006	HTTT	ĐMKTKT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
212	24022789	Hoàng Trung Hiếu	05/09/2006	MMT&TTDL	ĐMKTKT	Khơ mú	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
213	24022828	Bùi Thanh Sơn	10/02/2006	MMT&TTDL	ĐMKTKT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
214	24022839	Bùi Anh Tuấn	11/12/2006	MMT&TTDL	ĐMKTKT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành học	CTĐT	Dân tộc	Đối tượng	Hưởng chính sách	Tổng HP trong HK niên chế (đ)	Kinh phí nhà nước cấp bù (đ)
215	25020171	Hồ Quang Hùng	07/10/2007	CNTT	ĐMKTKT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
216	25020190	Đinh Nguyễn Hưng	23/01/2007	CNTT	ĐMKTKT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
217	25020253	Bùi Duy Mạnh	18/10/2007	CNTT	ĐMKTKT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
218	25020325	Trần Hữu Phước	05/08/2007	CNTT	ĐMKTKT	Hoa	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
219	25020367	Đinh Khánh Toàn	03/11/2007	CNTT	ĐMKTKT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
220	25020907	Nguyễn Thái Dương	03/12/2007	VLKT	ĐMKTKT	Cao Lan	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
221	25021298	Chu Thị Kiều Anh	07/06/2007	CNKT CĐT	ĐMKTKT	Nùng	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
222	25021422	Bùi Đinh Ngọc	03/12/2007	CNKT CĐT	ĐMKTKT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
223	25021509	Hà Nhị Bình	17/10/2007	CNHKVT	ĐMKTKT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
224	25021544	Vũ Mai Hương	20/05/2007	CNHKVT	ĐMKTKT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
225	25021588	Dương Quang Tùng	07/04/2007	CNHKVT	ĐMKTKT	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
226	25022554	Ngô Thế Trọng	27/04/2007	CNKT ĐTVT	ĐMKTKT	Thái	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
227	25023341	Bùi Hà Bảo Ngọc	14/06/2007	HTTT	ĐMKTKT	Thái	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
228	25023362	Phùng Mai Phương	19/04/2007	HTTT	ĐMKTKT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
229	25023413	Trần Xuân Triều	01/02/2007	HTTT	ĐMKTKT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
230	25023479	Bùi Mạnh Hùng	29/01/2007	MMT&TTDL	ĐMKTKT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
231	25023673	Hoàng Nông Tuấn	28/04/2007	KTRB	ĐMKTKT	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
232	26020117	Đinh Lâm Duy	09/04/2008	CNTT	ĐMKTKT	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
233	26020194	Cao Ngọc Huyền	06/12/2008	CNTT	ĐMKTKT	Pa Dí	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
234	26020368	Đặng Xuân Sơn	01/01/2008	CNTT	ĐMKTKT	Thái	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
235	26020378	Lang Nhật Tân	09/05/2008	CNTT	ĐMKTKT	Thái	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
236	26020595	Lâm Tuấn Dũng	20/08/2008	KTMT	ĐMKTKT	Nùng	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
237	26020707	Lê Hoàng Bá Lộc	25/01/2008	KTMT	ĐMKTKT	Thổ	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành học	CTĐT	Dân tộc	Đối tượng	Hưởng chính sách	Tổng HP trong HK niên chế (đ)	Kinh phí nhà nước cấp bù (đ)
238	26020754	Phạm Hoàng Nam	21/06/2008	KTMT	ĐMKTKT	Thái	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
239	26020795	Nguyễn Minh Phương	08/04/2008	KTMT	ĐMKTKT	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
240	26020822	Hà Minh Sơn	26/09/2008	KTMT	ĐMKTKT	Thái	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
241	26020855	Lương Viết Tiến	22/06/2008	KTMT	ĐMKTKT	Thái	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
242	26020932	Bùi Minh Châu	20/12/2008	VLKT	ĐMKTKT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
243	26021051	Voòng Minh Thanh	17/03/2008	VLKT	ĐMKTKT	Hoa	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
244	26021088	Bế Tiến Đạt	15/07/2007	CKT	ĐMKTKT	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
245	26021249	Nguyễn Hoàng Lân	25/08/2008	KTXD	ĐMKTKT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
246	26021400	Vy Dương Kha	02/05/2008	KTCĐT	ĐMKTKT	Thái	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
247	26021416	Bùi Tiến Luân	26/08/2008	KTCĐT	ĐMKTKT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
248	26021464	Ma Ngọc Quang	27/09/2008	KTCĐT	ĐMKTKT	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
249	26021489	Dương Thành Tin	01/06/2008	KTCĐT	ĐMKTKT	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
250	26021567	Đỗ Trung Kiên	23/06/2008	KTKG	ĐMKTKT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
251	26021689	Hà Tuệ Châu	16/12/2008	KHMT	ĐMKTKT	Thái	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
252	26021991	Lang Trường Thắng	24/05/2008	KHMT	ĐMKTKT	Thái	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
253	26022008	Lục Thùy Trâm	18/03/2008	KHMT	ĐMKTKT	Nùng	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
254	26022091	Bùi Hoàng Bách	15/01/2007	KTĐTVT	ĐMKTKT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
255	26022109	Quan Quốc Chung	09/01/2008	KTĐTVT	ĐMKTKT	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
256	26022184	Vương Trường Giang	19/08/2008	KTĐTVT	ĐMKTKT	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
257	26022355	Ban Tấn Minh	19/04/2008	KTĐTVT	ĐMKTKT	Cao Lan	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
258	26022453	Trần Văn Tập	12/08/2008	KTĐTVT	ĐMKTKT	Cao Lan	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
259	26022659	Đỗ Đình Khôi	05/11/2008	KTĐK&TĐH	ĐMKTKT	Giáy	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
260	26022668	Phạm Văn Mạnh	06/03/2008	KTĐK&TĐH	ĐMKTKT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành học	CTĐT	Dân tộc	Đối tượng	Hưởng chính sách	Tổng HP trong HK niên chế (đ)	Kinh phí nhà nước cấp bù (đ)
261	26022695	Hoàng Vinh Quang	03/02/2008	KTĐK&TĐH	ĐMKTKT	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
262	26023324	Nông Thu Quỳnh	15/09/2008	HTTT	ĐMKTKT	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
263	26021339	Lượng Tuấn Anh	00/01/1900	KT CĐT	ĐMKTKT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
264	26023612	Lý Tuấn Linh	11/07/2008	KTRB	ĐMKTKT	Dao	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
265	26023620	Bùi Quang Minh	14/10/2008	KTRB	ĐMKTKT	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
266	26023648	Lường Văn Quang	29/07/2007	KTRB	ĐMKTKT	Nùng	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
267	26023653	Hà Thị Như Quỳnh	15/08/2008	KTRB	ĐMKTKT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	7,315,000
268	23020514	Phạm Phúc Việt Anh	21/01/2005	HTTT	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
269	23020628	Nguyễn Tuệ Minh	23/12/2005	MMT&TTDL	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
270	23021499	Võ Minh Dũng	17/03/2005	KHMT	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
271	23021910	Trần Anh Tuấn	31/10/2005	CNKT ĐTVT	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
272	24020475	Trần Lê Duy	06/06/2006	CNKTXD	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
273	24020523	Phan Bùi Tiến Hùng	26/01/2006	KTMT	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
274	24020564	Lê Duy Mạnh	24/12/2006	KTMT	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
275	24020746	Lê Huy Hoàng	10/06/2006	VLKT	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
276	24020945	Nguyễn Anh Đức	06/01/2006	CNKTXD	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
277	24021073	Trần Văn Báu	06/09/2006	CNKT CĐT	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
278	24021206	Trần Đức Trọng	08/03/2006	CNKT CĐT	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
279	24021272	Nguyễn Đức Hoàn	21/08/2006	CN HKVT	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
280	24021496	Nguyễn Minh Hùng	03/02/2006	KHMT	ĐMKTKT	Mường	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
281	24021777	Bùi Hoàng Hải	20/08/2006	CNKT ĐTVT	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
282	24021810	Nguyễn Xuân Hùng	22/04/2006	CNKT ĐTVT	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
283	24021845	Phan Trọng Khôi	19/07/2006	CNKT ĐTVT	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
284	24021866	Nguyễn Nhật Linh	29/10/2006	CNKT ĐTVT	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
285	24021931	Nguyễn Thị Mai Phương	20/06/2006	CNKT ĐTVT	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
286	24021979	Phạm Công Thứ	20/01/2006	CNKT ĐTVT	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
287	24022497	Nguyễn Tuấn Anh	22/03/2006	KTNL	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
288	24022910	Lê Xuân Thành	23/01/2006	KTRB	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
289	24022926	Nguyễn Hữu Tùng	07/12/2006	KTRB	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
290	25020440	Nguyễn Trường An	26/10/2007	KTMT	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
291	25020692	Đinh Ngọc Minh	06/12/2007	KTMT	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
292	25020782	Trần Trường Sơn	06/07/2007	KTMT	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành học	CTĐT	Dân tộc	Đối tượng	Hưởng chính sách	Tổng HP trong HK niên chế (đ)	Kinh phí nhà nước cấp bù (đ)
293	25021090	Hoàng Duy Long	27/07/2007	CKT	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
294	25021103	Vũ Minh Quang	29/12/2007	CKT	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
295	25021115	Phạm Anh Vũ	21/11/2007	CKT	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
296	25022111	Nguyễn Đình Chính	25/06/2007	CNKT ĐTVT	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
297	25022428	Nguyễn Quỳnh Phương	09/03/2007	CNKT ĐTVT	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
298	25022508	Nguyễn Minh Thái	16/11/2007	CNKT ĐTVT	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
299	25022663	Phạm Bá Hiệp	31/10/2007	KTĐK&TĐH	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
300	25022668	Trần Anh Hoàng	09/12/2007	KTĐK&TĐH	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
301	25023333	Lê Phương Nam	18/02/2007	HTTT	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
302	25023596	Trần Đỗ Đức Hiệp	28/06/2007	KTRB	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
303	26020087	Phạm Văn Định	02/08/2007	CNTT	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
304	26020099	Nguyễn Thị Ngọc Dung	04/02/2008	CNTT	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
305	26021023	Nguyễn Đình Nhật	14/02/2008	VLKT	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
306	26021186	Đỗ Mạnh Đạt	10/12/2008	KTXD	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
307	26021244	Bùi Việt Khôi	04/08/2008	KTXD	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
308	26021264	Lê Hữu Minh	28/11/2008	CNKTXD	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
309	26021580	Lê Đức Long	09/11/2008	KTKG	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
310	26021658	Nguyễn Nhật Anh	25/10/2008	KHMT	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
311	26023236	Nguyễn Thị Thu Hường	02/02/2008	HTTT	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
312	26023512	Hoàng Thị Hải Yến	24/04/2008	MMT&TTDL	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
313	26023587	Quế Gia Huy	02/05/2008	KTRB	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
314	26023643	Lê Đức Minh Quang	28/01/2008	KTRB	ĐMKTKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	22,000,000	5,225,000
315	22025530	Nguyễn Bảo Ngọc	02/11/2004	MMT&TTDL	TT23	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (TT23)	17,500,000	5,225,000
316	22025537	Nguyễn Quang Anh	08/12/2004	MMT&TTDL	TT23	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (TT23)	17,500,000	5,225,000
								Tổng:	**6,535,500,000**	**2,555,025,000**
Kinh phí nhà nước cấp bù (316 sinh viên): ***Hai tỉ, năm trăm năm mươi lăm triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn đồng./.***										